

Bản án số: 24/2020/DS-PT

Ngày: 18 - 02 - 2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán

Ông Huỳnh Văn Út

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 N 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 N 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 N 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh N 1961; Cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà T1:

1. Anh Quang Minh T2, sinh N 1986; Cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C . (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019), (Có mặt).

2. Anh Trương L1, sinh N 1981; Cư trú tại: Ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019), (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh N 1962; Cư trú tại: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C . (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Ông Hà Văn S, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trương Thành K- Chi nhánh Cà Mau thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Quang Văn T3, sinh N 1955; Cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T3:

1. Anh Quang Minh T2, sinh N 1986; Cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C. (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019), (Có mặt).

2. Anh Trương L1, sinh N 1981; Cư trú tại: Ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019), (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1 và ông Quang Văn T3 trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp do bà Nguyễn Thị T1 chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị N vào ngày 25/6/2001, diện tích 240m² (ngang 08m x 30m), đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Việc chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau chứng thực ngày 23/8/2001; đến ngày 07/9/2001, bà T1 được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên.

Vào N 2009, bà T1 đã sang lấp mặt bằng để xây dựng nhà trọ cho thuê, nhưng do thiếu vốn nên chưa đầu tư xây dựng, phần đất vẫn để trống. Đến N 2015, bà T1 phát hiện bà L tiến hành xây dựng nhà trên đất của bà T1 nên ngăn cản. Sau đó, bà L có đề nghị với gia đình bà T1 để thỏa thuận đổi đất nhưng không thành.

Đến ngày 09/02/2015, bà T1 ký hợp đồng thi công xây dựng nhà ở trên đất với Công ty xây dựng N Căn (gọi tắt là Công ty), giá trị hợp đồng là 192.000.000 đồng (chỉ tính tiền công xây dựng và bản vẽ thiết kế còn tiền vật tư, nhân công do bà T1 tự chi trả), Công ty cũng đã tạm ứng số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện ở xa bà T1 không thường xuyên đến phần đất nên khi tiến hành thi công thì bà L đã xây dựng xong nhà trọ trên đất, nên bà T1 không tiến hành xây dựng được.

Bà T1 yêu cầu bà L trả lại phần đất diện tích theo đo vẽ thực tế 211,8m² và tháo dỡ, di dời toàn bộ kiến trúc căn nhà xây dựng trên đất diện tích 73,6m² để trả lại đất cho bà T1. Đồng thời, yêu cầu bà L hoàn trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 5.280.000 đồng và bồi thường thiệt hại các khoản gồm: thiệt hại do mất thu nhập từ việc không sử dụng được đất từ N 2015 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 90.000.000 đồng (trung bình thu nhập từ việc cho thuê trọ của bà L tính là 20.000.000 đồng/N), không đồng ý bồi thường hay hỗ trợ chi phí di dời nhà cho bà L.

Đối với Hợp đồng thi công xây dựng với Công ty, giữa bà T1 với Công ty không có tranh chấp nên bà T1 không đặt ra yêu cầu gì đối với Công ty mà giữa Công ty với bà T1 tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được sẽ kiện thành vụ kiện khác, bà T1 cũng không đặt ra yêu cầu bà L bồi thường số tiền 60.000.000 đồng mà bà T1 đã cho Công ty tạm ứng theo hợp đồng do không có đất để bàn giao mặt bằng cho Công ty. Ngoài ra, diện tích đất theo đo vẽ thực tế không đúng với diện tích đất nhận chuyển nhượng và diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng bà T1 không đặt ra yêu cầu gì đối với gia đình bà Huỳnh Thị N cùng ông B, không đặt ra yêu cầu gì đối với UBND thành phố Cà Mau.

- Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L2 chuyển nhượng cho ông Lê Chí L3 và bà Nguyễn Diễm Ch. Đến N 2014, ông L2 và bà Ch chuyển nhượng lại cho bà L, diện tích là 240m² (ngang 8m x dài 30m) tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, giá trị chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 10.000.000 đồng nhưng giá thực tế theo thị trường hai bên thỏa thuận là 200.000.000 đồng.

Sau khi nhận chuyển nhượng và được bàn giao đất thì diện tích đất thực tế đo đạc chỉ có 206,8m² nhưng bà L vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng và được UBND thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/12/2014. Tại thời điểm chuyển nhượng là đất trồng lúa, chưa được san lấp. Khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L tiến hành san lấp mặt bằng đổ 40 xe cát lấp để xây dựng nhà trọ cho thuê tháng. Quá trình san lấp, xây dựng nhà không ai ngăn cản hay tranh chấp.

Đến khoảng tháng 5/2015, bà L xây dựng nhà xong (diện tích theo đo vẽ thực tế là 73,6m²) với tổng chi phí xây dựng là 200.000.000 đồng và đưa vào sử dụng thì ông T3 là chồng bà T1 đến nói rằng đất bà L xây dựng nhà trùng lên phần đất của vợ chồng ông, nhưng ông T3 không có thừa kiện gì nên bà vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng cho thuê nhà trọ đến nay. Bà L không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1. Trường hợp Tòa án buộc bà L trả đất và tháo dỡ, di dời nhà xây dựng trên đất thì bà L không đặt ra yêu cầu bà T1 bồi thường hay hỗ trợ chi phí di dời, không đặt ra yêu cầu gì đối với UBND thành phố Cà Mau và ông L4, bà Ch.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 141/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1.

Buộc bà Nguyễn Thị L trả lại phần đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T1 đã được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 035212 ngày 07/9/2001 có diện tích theo đo vẽ thực tế là 211,8m² tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ kiến trúc căn nhà xây dựng gắn liền trên đất với diện tích 73,6m² trả lại đất cho bà Nguyễn Thị T1.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị L bồi thường thiệt hại với số tiền 90.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2019 bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L phát biểu: Phần đất ranh chấp bà L đang sử dụng có nguồn gốc trước đó là của bà N chuyển nhượng cho ông

L2; ông L2 chết để lại cho bà X, bà X chuyển nhượng cho ông L3 và bà Ch; ông L3 và bà Ch chuyển nhượng lại cho bà L. Vị trí phần đất bà L đang sử dụng không thay đổi so với vị trí đất nhận chuyển nhượng. Phần đất bà T1 và phần đất bà L có vị trí khác nhau; hiện nay cũng chưa có văn bản nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định cấp quyền sử dụng đất cho bà L chồng lên phần đất bà T1. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, đưa thiếu người tham gia tố tụng; do đó đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Bà L thống nhất với phát biểu của Luật sư, không có ý kiến bổ sung.

Anh L1 và anh T2 đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà T1 khởi kiện yêu cầu bà L trả lại diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 211,8m² tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau và tháo dỡ căn nhà được xây dựng trên đất diện tích 73,6m² để trả lại đất cho bà T1. Bà T1 cho rằng phần đất tranh chấp trên do bà nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị N vào ngày 25/6/2001, đã được UBND thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/9/2001. Bà L cho rằng phần đất nêu trên do bà nhận chuyển nhượng từ ông Lê Chí L2 và bà Nguyễn Diễm Ch vào N 2014, đã được UBND thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/12/2014, bà tiến hành xây dựng nhà trên đất để cho thuê, nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu bà T1.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Phần đất bà T1 nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị N vào ngày 25/6/2001, vị trí thửa số 893 thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 06, diện tích 240m², tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau; tứ cận Đông giáp thửa số 20, Tây giáp thửa số 20, Nam giáp thửa số 20 và Bắc giáp thửa số 18 (thửa đất của ông Lê Chí D), phần đất này được UBND thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/9/2001.

[3] Phần đất bà L nhận chuyển nhượng của ông Lê Chí L2 và bà Nguyễn Diễm Ch ngày 08/10/2014 thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 78, diện tích 206,8m², tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau; tứ cận giáp ông Lê Văn G, ông Trần Quốc C, bà Phan Ngọc L4 và ông Trịnh Thanh M. Nguồn gốc đất trước đó là của ông Nguyễn Văn L2 nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N ngày 01/5/2000; ông Lợi được cấp quyền sử dụng đất ngày 21/11/2003. Sau khi ông L2 chết, đến ngày 19/7/2012 bà X (vợ ông L2) chuyển nhượng toàn phần đất lại cho ông L3 và bà Ch. Qua thu thập hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho ông L2, tại bản trích lục bản đồ địa chính ngày 14/11/2003 thể hiện phần đất cấp quyền sử dụng cho ông L2 thửa số

383 thuộc thửa 73 (đất bà N); tứ cận: các phía đông, nam, bắc đều giáp thửa 73 (đất bà N), phía tây giáp đường đất. Vị trí phần đất ông L2 được cấp quyền sử dụng cách ranh đất của bà N (phía giáp với ông Lê Chí D) kích thước là 18m. Theo trích lục bản đồ đo đạc chính lý N 2009, phần đất ông Lợi được cấp quyền sử dụng đất thửa số 03, tờ bản đồ số 78; nhưng theo đo đạc thẩm định phần đất tranh chấp hiện bà L đang sử dụng thuộc thửa số 01 và phía bắc giáp với đất của ông Trịnh Thanh M (ông M chuyển nhượng của ông Lê Chí D). Đối chiếu vị trí phần đất hiện nay tranh chấp với vị trí phần đất cấp quyền sử dụng cho ông L2 là không trùng nhau.

[4] Theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thanh M và bà Lê Thị Thanh Th do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau cung cấp thể hiện: N 2001, ông Lê Chí D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 06; đến N 2010, ông D xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để quản lý sử dụng nên phần đất của ông Dũng được cấp đổi lại thuộc thửa 1387, tờ bản đồ số 13. Sau đó, ông D chuyển nhượng một phần đất cho vợ chồng ông Trịnh Thanh M và bà Lê Thị Thanh Th nên phần đất của vợ chồng ông M được tách ra thuộc thửa số 443, tờ bản đồ số 21 với diện tích 100m² tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau.

[5] Tại bản vẽ hiện trạng thửa đất thực tế cùng biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện phần đất tranh chấp có tứ cận Đông giáp ông Lê Văn G, Tây giáp lộ xi măng, Nam giáp bà Phan Ngọc L và Bắc giáp ông Trịnh Thanh M. Đối chiếu với các hồ sơ cấp quyền sử dụng đất và bản vẽ hiện trạng thửa đất nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy về thời gian chuyển nhượng, thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 diễn ra trước bà L và tứ cận phần đất bà T1 nhận chuyển nhượng phía Bắc giáp với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 06 là đất của ông Lê Chí D đến N 2009, ông Dũng chuyển nhượng một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 18 cho vợ chồng ông Trịnh Thanh M, hiện tại phần đất tranh chấp phía Bắc cũng giáp với phần đất của ông M và ông D xác định phần đất chuyển nhượng cho ông M là phần đất phía sau hậu của ông tiếp giáp với ranh đất của bà Huỳnh Thị N. Mặt khác, ông Hứa Thái B là con trai út, sống chung nhà với bà Huỳnh Thị N khai nhận khoảng thời gian sau N 2000, ông B đại diện cho bà N thỏa thuận chuyển nhượng phần đất có diện tích ngang 08m, dài 30m với ông T3 (chồng bà T1). Sau khi thủ tục hoàn thành, bà N cùng vợ chồng ông T3 đến UBND xã Lý Văn Lâm ký hợp đồng chuyển nhượng và chính ông là người trực tiếp đo, bàn giao đất cho ông T3, vị trí đất của ông T3 nằm trong cùng phần đất của bà N giáp với đất ông Lê Chí D kể đất ông T3 là đất bà N bán cho ông S diện tích ngang 04m x dài 30m, cặp ông S là phần đất bán cho ông L2 diện tích ngang 04m x 30m và xác định phần đất của ông T3, bà T1 hiện nay nếu giáp ranh với ông Lê Chí D thì đúng là phần đất bà N đã chuyển nhượng, bàn giao cho ông T3 cùng bà T1. Hơn nữa, tại Công văn số 2114/STNMT-VPĐKĐĐ, ngày 19/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cũng khẳng định hai thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L nằm ở vị trí khác nhau. Cho nên, có căn cứ xác định phần đất bà L hiện đang quản lý, sử dụng và xây dựng nhà trên đất thuộc quyền sở hữu của bà T1, không phải phần đất bà L nhận chuyển nhượng từ ông L4 và bà Ch. Do

đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1, buộc bà L trả đất và tháo dỡ căn nhà xây dựng trên đất theo diện tích đo vẽ thực tế là có căn cứ.

[6] Đối với phần đầu tư cải tạo, xây dựng trên đất: Tại cấp sơ thẩm, bà L xác định trường hợp Tòa án buộc bà L trả đất và tháo dỡ, di dời nhà xây dựng trên đất thì bà L không đặt ra yêu cầu bà T1 bồi thường hay hỗ trợ chi phí di dời, nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét. Trường hợp các bên không thỏa thuận được, bà L có quyền khởi kiện yêu cầu bà T1 bồi thường theo quy định pháp luật.

Đối với đề nghị của Luật sư hủy án sơ thẩm, xét thấy không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[7] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 141/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1. Buộc bà Nguyễn Thị L trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 phần đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 035212 ngày 07/9/2001 có diện tích theo đo vẽ thực tế là 211,8m² tọa lạc tại ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ kiến trúc căn nhà xây dựng gắn liền trên đất với diện tích 73,6m² trả lại đất cho bà Nguyễn Thị T1.

(Kèm theo bản trích đo hiện trạng 19/7/2019 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị L bồi thường thiệt hại với số tiền 90.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng, buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1 chi phí đo đạc với số tiền là 5.280.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng .

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 4.500.000 đồng. Ngày 02/5/2018, bà T1 đã dự nộp 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000733 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, đối trừ bà T1 còn phải nộp tiếp 2.250.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/10/2019, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000869 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập